| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ DĨ AN**<br>**TỈNH BÌNH DƯƠNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 343/2024/HS-ST
Ngày 27 - 11 - 2024

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa*: Ông Vũ Linh.

*Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Tô Văn Nhung và ông Phan Văn Cường

***- Thư ký phiên toà***: Bà Đỗ Thị Hương Giang, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên toà***: Ông Nguyễn Ngọc Vương, Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2024 tại Hội trường A Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 378/2024/HSST ngày 07 tháng 11 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 357/2024/QĐXXST-HS ngày 12/11/2024 đối với các bị cáo:

1. Mai Văn L1, sinh ngày 19/5/2001 tại tỉnh Thanh Hóa; thường trú: Thôn N1, xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 5/12; con ông : (không rõ) và con bà Mai Thị N, sinh năm 1973; bị cáo có 01 em ruột, sinh năm 2001; tiền sự, tiền án: Không có. Bị cáo bị tạm giữ, bắt tạm giam từ ngày 14/7/2024, có mặt.

2. Lê Minh D, sinh ngày 24/4/2005 tại tỉnh Kiên Giang; thường trú: Tổ 1 ấp X, xã T, huyện A, tỉnh Kiên Giang; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 4/12; con ông Lê Văn S, sinh năm 1983 và con bà Nguyễn Thị Bích L, sinh năm 1986; bị cáo có 03 em ruột, lớn nhất sinh năm 2007, nhỏ nhất sinh năm 2021; tiền sự, tiền án: Không có. Bị cáo bị tạm giữ, bắt tạm giam từ ngày 14/7/2024, có mặt.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Em Trần Chí L2, sinh ngày 19/6/2006; thường trú: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau, vắng mặt.

- *Người chứng kiến:* Em Lê Thanh H, vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ 00 phút ngày 09/7/2024, Mai Văn L1 rủ Lê Minh D góp tiền mua ma tuý sử dụng, D nói "chưa có tiền". Đến 05 giờ 00 phút ngày 10/7/2024, L1 đi xe mô tô Grap đến bãi đất trống thuộc khu phố Đ, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương gặp người tên Q (không rõ nhân thân) mua thiếu 200.000 đồng ma tuý, người này đưa

cho L một gói nylon hàn kín chứa tinh thể màu trắng. Sau đó L1 cầm ma tuý quay về phòng trọ đưa gói ma tuý cho D cất giữ, D cầm ma tuý cất vào trong ví da của mình. Chiều ngày 13/7/2024, L1 và D cùng nhau đi tìm chỗ ăn tối và uống bia, trên đường đi cả hai gặp Q, Q nói L1 trả tiền. Lúc này, L1 và D góp mỗi người 100.000 đồng trả tiền cho Q. Sau đó, L1 và D đến nhà người bạn tên P (không rõ nhân thân) ăn và uống bia tại đây cả hai gặp Trần Chí L2. Vào 21 giờ 45 phút cùng ngày L1 và D đi nhờ xe của L2 để về. Lúc này D là người điều khiển xe mô tô biển số 69AD – 065.13 chở L1, L2. Khi lưu thông đến trước số nhà 285 đường ống nước thô D2400mm, khu phố N, phường B, thành phố D, tỉnh Bình Dương bị lực lượng Công an phường B kiểm tra hành chính. Quá trình kiểm tra hành chính, D lấy ra trong túi quần một ví da bên trong có chứa 01 gói nilon hàn kín chứa tinh thể màu trắng nên bị lập biên bản bắt người phạm tội quả tang.

Vật chứng thu giữ: 01 xe mô tô biển số 69AD – 065.13, Số khung: RPENCBVPENA052657; Số máy: VDEJQ139FMBF052657; một gói nylon hàn kín chứa tinh thể màu trắng; 01 ví da màu đen

Kết luận giám định số 3418/KL-KTHS(MT) ngày 22/7/2024 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bình Dương: "Mẫu tinh thể màu trắng, gửi giám định là ma tuý, loại Methamphetamine, có khối lượng 0,1506 gam.

Vật chứng đã xử lý : Trả lại cho Trần Chí L2 01 xe mô tô biển số, 69AD – 065.13, số khung RPENCBVPENA052657, số máy VDEJQ139FMBF052657. Do L2 không biết D, L1 góp tiền mua ma tuý sử dụng.

Cáo trạng số 353/CT – VKS-DA ngày 05 tháng 11 năm 2024, Viện kiểm sát nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương truy tố các bị cáo Mai Văn L1, Lê Minh D về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự 2015 sửa đổi bổ sung 2017 (gọi tắt bộ luật hình sự). Tại phiên tòa, trong phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ: Điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 58 Bộ Luật Hình sự xử phạt bị cáo Mai Văn L1, Lê Minh D từ 01 năm 06 tháng tù đến 02 năm tù.

Về vật chứng: Tịch thu tiêu huỷ ma tuý thu giữ ; 01 ví da màu đen.

Bị cáo L1, D không tranh luận, bào chữa cho hành vi phạm tội của mình, trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án, các bị cáo nói lời sau cùng: Xin giảm nhẹ mức hình phạt thấp nhất.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố D, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố D, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra các bị cáo, người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố

tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Chứng cứ xác định có tội của bị cáo Mai Văn L1, Lê Minh D: Bị cáo L1, D sử dụng ma tuý, cả hai góp số tiền 200.000 đồng để mua ma tuý từ người tên Q , khi mua được ma tuý mang về chưa sử dụng thì bị bắt. Ma tuý thu giữ từ L1, D qua giám định có khối lượng 0,1098 gam loại Methamphetamine. Hành vi trên của các bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự. Bản cáo trạng số 353/CT - VKS - DA ngày 05/11/2024 của Viện kiểm sát thành phố D, tỉnh Bình Dương truy tố các bị cáo cũng như trình bày luận tội của Kiểm sát viên đối với các bị cáo là có căn cứ pháp luật.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo L1, D không có.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thể hiện thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Tình tiết trên được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Về nhân thân: Bị cáo L1, D có nhân thân tốt, thể hiện việc không có tiền án, tiền sự.

[6] Vụ án có tính chất đồng phạm nhưng là đồng phạm giản đơn, bị cáo L1, D sử dụng ma tuý và cùng góp tiền ngang nhau để mua ma tuý sử dụng. Xét nhân thân, tình tiết giảm nhẹ. Mức hình phạt các bị cáo phải ngang nhau.

[7] Về tính chất mức độ tội phạm: Các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp nghiêm trọng do có khung hình phạt đến 05 năm tù, các bị cáo thực hiện tội phạm với lỗi cố ý. Hành vi phạm tội của các bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương, hiện nay hành vi mua bán trái phép chất ma túy, sử dụng trái phép chất ma túy diễn ra nhiều và phức tạp việc này ảnh hưởng rất lớn đến sự an toàn, an nguy của xã hội. Vì vậy, cần xử phạt các bị cáo mức án tù có thời hạn tương xứng với tính chất mức độ tội phạm đã thực hiện đủ để giáo dục, cải tạo các bị cáo và có tác dụng đấu tranh, phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội.

[8] Về vật chứng: Đối với 01 ví da màu đen, ma tuý thu giữ. Cần tịch thu tiêu huỷ.

[9] Đối với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát thành phố D, tỉnh Bình Dương đưa ra tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân việc xử lý vật chứng phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử do vậy được chấp nhận. Riêng mức hình phạt các bị cáo có phần nghiêm khắc. Hội đồng xét xử xử phạt mức hình phạt các bị cáo thấp hơn mức hình phạt đại diện Viện kiểm sát đề nghị

[10] Án phí sơ thẩm: Bị cáo L1, D phải nộp án phí Hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Mai Văn L1, Lê Minh D phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Mai Văn L1 01 (một) năm 04 (bốn) tháng tù.

Xử phạt bị cáo Lê Minh D 01 (một) năm 04 (bốn) tháng tù.

Thời gian chấp hành hình phạt tù đối với bị cáo L1 và D tính từ ngày 14/7/2024.

2.Về vật chứng: Căn cứ Điều 46, điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự. Điều 89, điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Tịch thu tiêu hủy 01 (một) bì thư được niêm phong số 3418/PC09 và 01 (một) ví da màu đen.

Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 08/11/2024 tại Chi cục thi hành án Dân sự Thành phố D, tỉnh Bình Dương.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội khoá 14

Các bị cáo Mai Văn L1, Lê Minh D mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí Hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***
- VKSND Thành phố;
- Công an Thành phố;
- Chi cục THA dân sự Thành phố;
- Trại tạm giam CA tỉnh BD**;**
- TAND tỉnh BD;
- VKS tỉnh BD;
- UBND xã, phường nơi bị cáo cư trú;
- Phòng PV 06 CA tỉnh BD;
- Phòng PC 10 CA tỉnh BD;
- Bị cáo;người cqlnvlqđva;
- Sở tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Lưu: VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Vũ Linh**